

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2023/HS-ST
Ngày: 20-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Thơ.
- Ông Nguyễn Phú Hữu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 440/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 316/2023/HSST-QĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ tên: Nguyễn Văn T (Minh T1), sinh năm: 1988, tại Đồng Tháp; Nơi thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ A, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Văn T2 (chết) và bà: Nguyễn Thị Q; sinh năm 1956; Chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 07/01/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 03/2022/HS-ST, chấp hành xong ngày 21/9/2022, chưa xóa án tích; Tiền sự: Không; Tạm giữ từ ngày 06/10/2023 đến ngày 08/10/2023; Tạm giam ngày 09/10/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Nguyễn Thị Kim C là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ (có mặt).

Bị hại:

1. Dương Phước H1, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1. Bùi Văn Tuấn A, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp D, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Vĩnh N, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ A, ấp A, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Khoảng 20 giờ, ngày 11/6/2023, T uống rượu cùng Bùi Văn Tuấn A (Lượm) và Nguyễn Vĩnh N thì hết thức ăn nên Tràng nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và rủ Tuấn A đi cùng, Tuấn A đồng ý. Cả hai đi dọc theo đường kênh K thuộc ấp C, xã M, thành phố C để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà ông Nguyễn Văn T3 tại tổ A, ấp C, xã M, thành phố C thì T phát hiện sau nhà ông T3 có 01 chuồng vịt, không người trông coi nên T đã lén lút bắt trộm 01 con vịt cò màu vàng xám, trọng lượng khoảng 1,3 kg và đưa cho Tuấn A giữ. Sau đó T và Tuấn A trở về nhà T, trên đường đi, Tràng phát hiện 01 cây dừa trước nhà ông Dương Phước H1 (cùng ấp với ông T3) không người trông coi nên Tràng hái 03 quả dừa, T đưa Tuấn A cầm 01 quả, T cầm 02 quả. Khi về đến T, cả 02 rủ N cùng chặt dừa để lấy nước uống, làm thịt vịt để làm thức ăn và uống rượu tiếp. Ngày 12/6/2023, anh Dương Phước H1 đến công an xã M trình báo sự việc mất trộm. Qua xác minh, sành lọc đối tượng, Công an xã M đã mời T đến trụ sở làm việc và đã thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản như trên, sau đó Công an xã M chuyển vụ việc đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố C xử lý theo thẩm quyền.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 396/KL-HĐĐGTS, ngày 08/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã xác định: 01 con vịt trọng

lượng 1,3kg, có giá 124.500 đồng; 03 trái dừa x 9.333 đồng/trái = 27.999 đồng, làm tròn: 28.000 đồng. Tổng giá trị là 152.500 đồng.

Quá trình điều tra, anh Dương Phước H1, Nguyễn Văn T3 không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết.

Lời khai bị cáo Nguyễn Văn T phù hợp kết luận định giá tài sản, biên bản dựng lại hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh, lời khai bị hại, người có liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 106/CT-VKS-TPCL ngày 15/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Áp dụng Điều 173 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T với mức án tù 09 tháng tù đến 01 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như cáo trạng đã nêu.

* Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo T là bà Nguyễn Thị Kim C trình bày: Thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Đồng thời, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo như: Bị cáo có trình độ học vấn thấp; thuộc hộ cận nghèo; cha mất sớm nên bị cáo thiếu giáo dục; giá trị tài sản bị cáo trộm cắp không lớn.

* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo không tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố C, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, mọi hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cũng như nội dung bản cáo trạng số 106/CT-VKS-TPCL ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh là đúng với hành vi của bị cáo, lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp kết luận định giá tài sản, biên bản dựng lại hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh, lời khai bị hại, người có liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 22 giờ, ngày 11 tháng 6 năm 2023, tại địa phận ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo T đã có một tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa xóa án tích lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 con vịt, trọng lượng 1,3kg của ông Nguyễn Văn T3 và 03 trái dừa của ông Dương Phước H1. Tổng giá trị tài sản là 152.500 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với tội danh mà cáo trạng đã truy tố; bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình và có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và gây rối trật tự công cộng; bị xử phạt tù về hành vi giao cấu với trẻ em; xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo nhận thức rất rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Đáng lẽ ra khi bị xét xử và trả giá bằng những bản án trước đây, bị cáo phải biết cải sửa bản thân, sống tốt hơn cho gia đình và xã hội. nhưng ngược lại, xuất phát từ việc xem thường pháp luật, muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà không phải bỏ công sức

lao động như bao người khác, bị cáo lại tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản, chứng tỏ hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho rằng bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” như Cáo trạng đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;...

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, đặc biệt thời gian gần đây, tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và tội phạm trộm cắp tài sản nói riêng ngày càng tăng, gây thiệt hại về tài sản, gây hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết và cũng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, nhằm để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt và sống có ích cho xã hội. Đồng thời góp phần phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thuộc hộ cận nghèo, bị cáo có trình độ học vấn thấp, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về vật chứng: Không.

[8] Về tư cách tham gia tố tụng của Bùi Văn Tuấn A: Trong vụ án này, tuy Tuấn A cùng bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng do giá trị tài sản bị chiếm đoạt chưa đủ định lượng để xem xét trách nhiệm hình sự nên Ủy ban nhân dân xã M ra quyết định xử phạt hành chính đối với Tuấn A. Đồng thời người bị hại Dương Phước H1 và Nguyễn Văn T3 và những người tham gia tố tụng khác cũng không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại đối với Bùi Văn Tuấn A. Bản thân Tuấn A cũng không yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xác định Bùi Văn Tuấn A chỉ là người làm chứng trong vụ án này.

[9] Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi của Nguyễn Vĩnh N, do N không biết việc bị cáo T và Tuấn A trộm cắp tài sản nên không đủ cơ sở xử lý Nghi.

- Đối với hành vi của Bùi Văn Tuấn A cùng bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp. Nhưng về nhân thân anh Tuấn A chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản và giá trị tài sản trộm cắp lần này chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã M ra Quyết định xử phạt hành chính số 83/QĐ-XPHC ngày 14/6/2023, về hành vi “Trộm cắp tài sản”, phạt tiền 2.500.000 đồng, là phù hợp.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố C về tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt và các vấn đề khác là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[11] Xét thấy đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T là có căn cứ, nên chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (Minh T1), phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (Minh T1), 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Phong